



Các mặt	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	Nhận xét
Nội dung (6 điểm)	1. Xác định được vị trí, mục tiêu và kiến thức kĩ năng trọng tâm bài học.	2,5		
	2. Học sinh đạt được các phẩm chất, năng lực trong bài học.	2,0		
	3. Có tính cập nhật, liên hệ thực tiễn thể hiện tính giáo dục.	1,5		
Phương pháp (10 điểm)	4. Tổ chức hoạt động học tập linh hoạt sáng tạo và phù hợp để đạt mục tiêu bài học.	2,5		
	5. Các phương tiện dạy học sử dụng hợp lí, hiệu quả.	1,0		
	6. Các nhiệm vụ giao cho học sinh đa dạng, có tính phân hoá cho đối tượng, kích thích sự sáng tạo của học.	2,0		
	7. Học sinh tham gia học tập* Chủ động, tích cực, tự giác, sáng tạo phù hợp với nhận thức từng đối tượng.* Có sự tương tác, hợp tác.	3,0		
	8. HS được tạo điều kiện liên hệ những kiến thức đã biết để phát hiện kiến thức mới, rèn luyện kĩ năng, vận dụng vào thực tế.	1,0		

	<b>9. Phân bố thời gian cho các hoạt động hợp lí. Đảm bảo thời gian quy định</b>	<b>0,5</b>		
<b>Đánh giá(4 điểm)</b>	10. Tổ chức hoạt động đánh giá linh hoạt phù hợp, kết hợp đánh giá của GV và HS.	<b>1,0</b>		
	11. HS có cơ hội tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau.	<b>1,0</b>		
	12. Đạt được mục tiêu bài học.	<b>2,0</b>		
	<b>Tổng cộng</b>	<b>20,0</b>		
	<b>Xếp loại</b>			

Ngày ..... tháng ..... năm .....

**NGƯỜI DẠY**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI ĐÁNH GIÁ**

(Ký, ghi rõ họ tên)

## 2. Cách xếp loại:

+ **Loại giỏi:** Điểm tổng cộng đạt từ 17-20 điểm, các yêu cầu 2,4,5,7,9, đạt điểm tối đa (Tổng cộng 9 điểm)

+ **Loại khá:** Điểm tổng cộng đạt từ 13-16,5 điểm, các yêu cầu 2,4,7 đạt điểm tối đa (tổng cộng 7,5 điểm)

+ **Loại trung bình:** Điểm tổng cộng đạt từ 10 -12,5 điểm, các yêu cầu 2 và 4 đạt điểm tối đa (tổng cộng 4,5 điểm)

+ **Yếu, kém:** (dưới 10 điểm)

**Mẫu 2:**

ĐƠN VỊ: .....

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIẾT DẠY  
GIÁO VIÊN TIỂU HỌC**

Họ và tên người dạy:.....Đơn vị:.....

Tên bài dạy:.....Môn:.....

Lớp:..... Ngày dạy:.....

Lĩnh vực	Mục	Yêu cầu cần đạt	Điểm của mục	Điểm đánh giá
1. Kiến thức, kỹ năng, năng lực, phẩm chất (6,0đ)	1.1	Đảm bảo chuẩn kiến thức kỹ năng cơ bản của bài dạy; bài học được điều chỉnh nội dung sát với trình độ tiếp thu, phát triển của học sinh.	2	
	1.2	Các đơn vị kiến thức, kỹ năng đảm bảo tính tích hợp về giáo dục, gắn với đời sống học sinh; kích thích học sinh tìm hiểu, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.	2	
	1.3	Chú trọng hình thành và phát triển các năng lực, phẩm chất của học sinh phù hợp với nội dung, yêu cầu của bài dạy.	2	
2. Hình thức, phương pháp tổ chức dạy học (8,0đ)	2.1	Lựa chọn linh hoạt, sáng tạo các hình thức tổ chức dạy học; có kỹ năng hướng dẫn các nhóm học tập; giám sát quá trình học của học sinh để hỗ trợ kịp thời theo trình độ tiếp thu; có tác động nhóm và các đối tượng học sinh.	2	
	2.2	Vận động linh hoạt, sáng tạo các phương pháp, kỹ thuật dạy học phù hợp với bài dạy và đối tượng học sinh; kích thích hưng phấn học tập của mọi đối tượng học sinh; giờ học diễn ra tự	2	

		nhiên, chủ động và tích cực.		
	2.3	Quan sát và xử lý tốt các tình huống trong tiết dạy; kịp thời nắm bắt nhu cầu của học sinh để khích lệ và đưa ra biện pháp giúp đỡ mọi đối tượng học sinh, đảm bảo các em có cơ hội hoàn thành nhiệm vụ bài học.	2	
	2.4	Tác phong giáo viên sư phạm mẫu mực; gần gũi; yêu thương và giúp đỡ học sinh.	2	
3. Tác động của giờ dạy (6,0đ)	3.1	Học sinh tham gia bài học một cách chủ động, tích cực, tự giác và hứng thú; có kỹ năng tương tác, kỹ năng tự đánh giá và đánh giá bạn trong tiết học.	2	
	3.2	Mọi học sinh được quan tâm hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất cần thiết thông qua tiết dạy.	2	
	3.3	Học sinh nắm bắt được kiến thức, kỹ năng cơ bản của bài học và có khả năng trải nghiệm ứng dụng.	2	
Điểm tổng cộng			20/20	...../20

Kết quả đánh giá:

Điểm giờ dạy...../20. Xếp loại.....

Những điểm cần lưu ý:

- Điểm lẻ cho từng mục đến 0,5đ
- Xếp loại: Đạt yêu cầu trở lên → không có mục nào điểm 0. Trong đó:
  - Tốt: 18-20 điểm (Các mục 1.2; 2.2; 3.3 ≥ 1,5 điểm)
  - Khá: 14-<18 (Các mục 1.2; 2.2; 3.3 ≥ 1,0 điểm)
  - Trung bình: 10-<14 (Các mục 1.2; 2.2; 3.3 ≥ 1,0 điểm)
  - Chưa đạt: < 10 điểm.

### PHẦN QUAN SÁT, GHI CHÉP LỚP HỌC

<b>NỘI DUNG QUAN SÁT</b>	<b>NHỮNG ĐIỀU QUAN SÁT ĐƯỢC</b>	<b>Ý KIẾN, NHẬN XÉT CỦA NGƯỜI DỰ</b>
1. Tổ chức hoạt động		
2. Hoạt động học tập của học sinh		
3. Cách thức giáo viên hướng dẫn học sinh		
4. Cách thức giáo viên giám sát và hỗ trợ việc học tập của từng nhóm/ từng học sinh		
5. Sử dụng đồ dùng và vật liệu trong dạy học		
6. Nhận xét, đánh giá kết		

quả học tập của học sinh		
7. Những nội dung khác		

**Nhận xét chung về tiết dạy:**

1. Ưu điểm:.....  
.....  
.....

2. Hạn chế: .....  
.....  
.....

**Người dạy**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Người dự**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Mẫu 3:**

PHÒNG GD&ĐT.....

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIẾT DẠY**

TRƯỜNG TIỂU HỌC.....

(Đối với lớp học chương trình VNEN)

Tiết số:.....

Họ và tên người dạy:.....

Tên bài dạy:.....Môn:.....;Lớp:.....

Loại giờ dạy (dự đột xuất; thao giảng, hội giảng đăng kí tiết dạy tốt...): .....

Ngày tháng dự: .....

CÁC LĨNH VỰC	TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
I. KỸ NĂNG ĐIỀU HÀNH TỔ CHỨC, HƯỚNG DẪN HỌC (4đ)	1.Chỉ dẫn hoạt động nhóm rõ ràng, dễ hiểu.	0,5	
	2.Đảm bảo 10 bước học tập, 5 bước giảng dạy.	0,5	
	3.Điều hành đảm bảo nhịp độ hoạt động giữa các cá nhân và các nhóm.	1	
	4.Giám sát quá trình học tập của học sinh trên lớp để hỗ trợ kịp thời và đáp ứng nhu cầu học sinh theo trình độ tiếp thu, tác động đến các nhóm, các đối tượng.	1	
	5.Phát huy được hoạt động tự quản của học sinh.	1	
II. NỘI DUNG	1.Giáo viên xác định được bước hoạt động học tập có tính chất quan trọng trong chuỗi hoạt động của học sinh nhằm hình thành kiến thức mới để tập	1	



HỌC TẬP (3đ)	<p>trung hỗ trợ.</p> <p>2.Có sáng tạo trong điều chỉnh tài liệu học tập, phương pháp cho phù hợp đặc điểm lớp học.</p>	2	
III.KỸ NĂNG ĐÁNH GIÁ HỌC SINH (3đ)	<p>1. Sử dụng các hình thức, công cụ đánh giá một cách hợp lý để hỗ trợ theo dõi tiến độ học tập hs và việc hoàn thành bài học của HS.</p> <p>2. Biết điều chỉnh nhịp độ học tập của học sinh và của các nhóm sau đánh giá.</p>	2  1	
IV. THÁI ĐỘ SỰ PHẠM (3đ)	<p>1.Tác phong sư phạm chuẩn mực, gần gũi, ân cần với học sinh.</p> <p>2.Tôn trọng và đối xử công bằng với học sinh.</p> <p>3. Kịp thời giúp đỡ học sinh có khó khăn trong học tập, động viên để mỗi học sinh đều được phát triển năng lực học tập.</p>	1  1  1	
V. CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG VÀ KHAI THÁC MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP (2đ)	<p>1. Chuẩn bị đủ các phương tiện, đồ dùng cần thiết cho tiết học</p> <p>2. Chỉ dẫn học sinh tương tác với các góc học tập, đồ dùng , thiết bị trong lớp học.</p> <p>3.Hợp tác với cha mẹ học sinh, cộng đồng để hỗ trợ việc học tập của học sinh ( hợp tác làm đồ dùng, hợp tác phản ứng dụng của bài học vv...)</p>	1  0,5  0,5	
VI. HIỆU QUẢ HỌC TẬP(5đ)	<p>1. Tiến trình dạy học lí, nhẹ nhàng; các hoạt động học tập diễn ra tự nhiên, hiệu quả và phù hợp với đặc điểm học sinh tiểu học.</p> <p>2. Học sinh tích cực, có tình cảm, thái độ đúng.</p> <p>3. Học sinh nắm được kiến thức, kĩ năng cơ bản của bài học và biết vận dụng kiến thức đã học vào thực tế</p> <p>4. Học sinh tự tin, biết hợp tác, có kĩ năng điều hành, tự quản lớp học</p>	1    1	

	tốt;.HS biết tự đánh giá.	2	
		1	

**XẾP LOẠI TIẾT DẠY :**

Loại **Tốt** : 18 → 20

Loại **Khá** : 14 → 17,5

**Điểm tiết dạy**

...../20

Loại **Trung bình** : 10 → 13,5

Loại **Chưa đạt** : dưới 10

**Xếp loại:**

Ghi chép những điều quan sát được	Nhận xét của người dự.
<b>Nhận xét chung về tiết dạy Ưu điểm</b>	<b>Những tồn tại</b>

Họ tên người dự giờ:..... , ngày.....tháng.....năm.....

Chức vụ:..... (Ký ghi rõ họ tên)

Mẫu 4 phiếu đánh giá tiết dạy có ứng dụng CNTT

**PHIẾU DỰ GIỜ TIẾT DẠY CÓ ỨNG DỤNG CNTT (SỐ:.....)**

Họ và tên người dạy:.....

Đơn vị:.....

Môn:..... Lớp dạy:..... Ngày:.....

Tên bài dạy:.....

Các mặt đánh giá	Các yêu cầu đánh giá	Điểm					Nhận xét, đề nghị
		0	0,5	1	1,5	2	
I. Nội dung:	1. Chính xác về khoa học bộ môn, về quan điểm tư tưởng và lập trường chính trị. 2. Đủ nội dung cơ bản và đáp ứng đầy đủ mục tiêu bài học; có tính hệ thống; nhấn mạnh đúng trọng tâm. 3. Liên hệ thực tế phù hợp và có tính giáo dục; có sử dụng tài liệu minh họa cho bài giảng điện tử (văn bản, phim, âm thanh, phần mềm hỗ trợ...) chính xác, có ý nghĩa, sát với nội dung bài học, đúng lúc, đúng liều lượng.						
II. Phương pháp	4. Phương pháp dạy học phù hợp với đặc trưng bộ môn, với nội dung của kiểu bài lên lớp. 5. Kết hợp tốt các phương pháp trong hoạt động dạy và học; kết hợp tốt việc ứng dụng CNTT với các phương pháp dạy học phù hợp với nội dung của kiểu bài lên lớp.						

<p>III. Phương tiện</p>	<p>6. Kết hợp tốt việc sử dụng phương tiện cho bài giảng điện tử và các phương tiện, thiết bị dạy học khác phù hợp với nội dung của kiểu bài lên lớp (khi cần thiết).</p> <p>7. Thiết kế các slide đẹp, khoa học, phù hợp với đặc trưng bộ môn; màu sắc hài hòa, phối màu giữa phông nền và chữ hợp lý, phù hợp với nội dung; hình và cỡ chữ, kiểu chữ rõ; các hiệu ứng hình ảnh, màu sắc, âm thanh được sử dụng hợp lý, không lạm dụng; bài trình chiếu có hệ thống, dễ theo dõi, có cấu trúc rõ ràng; học sinh ghi được bài.</p>						
<p>IV. Tổ chức lớp học</p>	<p>8. Thực hiện linh hoạt các khâu lên lớp, phân phối thời gian hợp lý ở các phần, các khâu.</p> <p>9. Tổ chức và điều khiển học sinh học tập tích cực, chủ động phù hợp với nội dung của kiểu bài; đảm bảo tính tương tác giáo viên-học sinh, học sinh-giáo viên, học sinh-học sinh.</p>						
<p>V. Kết quả</p>	<p>10. Việc ứng dụng CNTT giúp giáo viên tổ chức tốt hoạt động dạy học, tạo hứng thú trong học tập của học sinh, góp phần đổi mới phương pháp dạy học. Đa số học sinh hiểu bài, nắm vững trọng tâm, biết vận dụng kiến thức.</p>						

TỔNG SỐ ĐIỂM:..... XẾP LOẠI TIẾT DẠY:.....

Người dự

Đơn vị công tác

Chữ ký